

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2018 /KH-ĐHNLBG-HĐT

Bắc Giang, ngày 21 tháng 11 năm 2018

KẾ HOẠCH THI VÀ DANH SÁCH PHÒNG THI
KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
(Đợt thi ngày 24 tháng 11 năm 2018)

I. LỊCH THI

SÁNG THỨ BẢY, NGÀY 24/11/2018					
Phòng thi	Ca thi	Thời gian thí sinh có mặt	Thời gian thi trắc nghiệm	Thời gian thi thực hành	Địa điểm thi (Trắc nghiệm + Thực hành)
TH01	1	6:30	7:00	7:45	Phòng thực hành máy tính 01, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học
TH02					Phòng thực hành máy tính 02, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học
TH03	2	9:30	10:00	10:45	Phòng thực hành máy tính 01, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học
TH04					Phòng thực hành máy tính 02, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học

II. KẾ HOẠCH CHI TIẾT NGÀY THI 24/11/2018

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CHỦ TRÌ	Ca 1	Ca 2
1	Họp HĐT phân công nhiệm vụ.	Chủ tịch HĐ	6:30	9:30
2	Sinh hoạt quy chế/ nội qui phòng thi.	Thư ký HĐ	6:35	9:35
3	- Đánh số báo danh. - Gọi thí sinh vào phòng thi, đối chiếu số ảnh, bố trí chỗ ngồi cho thí sinh đúng vị trí quy định.	Giám thị 1	6:45	9:45
	- Kiểm tra vật dụng mang vào phòng thi của thí sinh.	Kỹ thuật viên		
	- Kiểm tra Phiếu dự thi, đính chính thông tin sai sót của thí sinh trên phiếu dự thi. - Phổ biến quy chế thi.	Giám thị 2,3		
PHẦN THI TRẮC NGHIỆM				
4	- Phát dữ liệu đề thi trắc nghiệm trên phần mềm về từng máy cho thí sinh.	Kỹ thuật viên	6:55	9:55
	- Hướng dẫn thí sinh sử dụng tài khoản cá nhân để đăng nhập làm bài thi.			
5	Bắt đầu tính thời gian làm bài thi trắc nghiệm.	Giám thị	7:00	10:00

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CHỦ TRÌ	Ca 1	Ca 2
6	Kết thúc thời gian làm bài thi trắc nghiệm: - Duy trì ổn định và trật tự phòng thi	Giám thị 1	7:30	10:30
	- In Kết quả phần thi trắc nghiệm	Kỹ thuật viên		
	- Yêu cầu thí sinh ký tên xác nhận kết quả phần thi trắc nghiệm.	Giám thị 2,3		
PHẦN THI THỰC HÀNH				
1	- Phát dữ liệu đề thi thực hành trên máy chủ về từng máy cho thí sinh.	Trưởng Ban coi thi	7:40	10:40
	- Hướng dẫn thí sinh đường dẫn lấy dữ liệu thi và đường dẫn lưu kết quả bài thi.	Kỹ thuật viên		
2	Bắt đầu tính thời gian làm bài thi thực hành.	Giám thị	7:45	10:45
3	Kết thúc thời gian làm bài thi thực hành: - Duy trì ổn định và trật tự phòng thi	Giám thị 1	9:15	12:15
	- Yêu cầu thí sinh ký tên vào Danh sách xác nhận tệp kết quả thi thực hành.	Giám thị 2,3 & Kỹ thuật viên		
	- Niêm phong 02 Thiết bị lưu trữ bài thi.	Giám thị & Kỹ thuật viên		
4	Nộp Danh sách kết quả thi trắc nghiệm, 02 thiết bị lưu trữ bài thi đã được niêm phong, các biên bản phòng thi.	Giám thị, Kỹ thuật viên và Ban thư ký	Ngay sau khi hoàn tất nhiệm vụ	
5	Xóa toàn bộ dữ liệu thi của ca thi.	Kỹ thuật viên		
6	Họp tổng kết coi thi tại phòng Hội đồng.	Chủ tịch HĐ		



Handwritten signature

III. DANH SÁCH PHÒNG THI

(Xem danh sách phòng thi chi tiết đính kèm)



ThS. Đỗ Thị Huyền

DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 24/11/2018

PHÒNG THI: TH01

Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng máy tính 01, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **06h30'**

Phần thi Thực hành: Phòng máy tính 01, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **07h45'**

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
1	CNTT01	Đoàn Ngọc Ái	19/11/1980	Yên Thế - Bắc Giang	
2	CNTT02	Đinh Tiến Anh	07/02/1998	Thạch Thành - Thanh Hóa	
3	CNTT03	Nguyễn Thế Anh	24/01/1998	Việt Yên - Bắc Giang	
4	CNTT04	Tạ Thị Phương Anh	20/08/1998	Lục Ngạn - Bắc Giang	
5	CNTT05	Trịnh Quang Anh	27/09/1998	TP.Bắc Ninh - Bắc Ninh	
6	CNTT06	Đồng Văn Bằng	18/03/1984	TP.Bắc Giang - Bắc Giang	
7	CNTT07	Phạm Vũ Minh Châu	14/04/1997	Đống Đa - Hà Nội	
8	CNTT08	Dương Ngô Chiến	03/12/2000	Việt Yên - Bắc Giang	
9	CNTT09	Giàng Mí Cho	12/01/1996	Bắc Mê - Hà Giang	
10	CNTT10	Leo Thị Chuyên	14/07/1985	Lục Ngạn - Bắc Giang	
11	CNTT11	Vũ Thành Công	10/08/1998	Tiền Hải - Thái Bình	
12	CNTT12	Bùi Việt Cường	04/09/1981	Lạng Giang - Bắc Giang	
13	CNTT13	Nguyễn Văn Cường	24/06/1998	Thuận Thành - Bắc Ninh	
14	CNTT14	Dương Văn Dần	05/11/1998	Tân Yên - Bắc Giang	
15	CNTT15	Thân Thế Du	23/04/2001	Việt Yên - Bắc Giang	
16	CNTT16	Nguyễn Thị Thanh Dung	26/10/1996	Gia Viễn - Ninh Bình	
17	CNTT17	Lê Văn Dũng	23/10/1998	Thuận Thành - Bắc Ninh	
18	CNTT18	Ngô Tiến Dũng	21/03/1998	Tân Yên - Bắc Giang	
19	CNTT19	Nguyễn Văn Đạt	23/07/2001	Việt Yên - Bắc Giang	
20	CNTT20	Nguyễn Huy Đông	18/11/2001	Việt Yên - Bắc Giang	
21	CNTT21	Hoàng Châu Giang	22/06/1996	Hiệp Hòa - Bắc Giang	
22	CNTT22	Bùi Thị Hà	26/09/1996	Lục Ngạn - Bắc Giang	
23	CNTT23	Nguyễn Văn Hà	12/12/1998	Son Động - Bắc Giang	
24	CNTT24	Thân Thị Thúy Hà	27/09/1997	Tân Yên - Bắc Giang	
25	CNTT25	Phạm Quang Hạnh	29/09/1998	Gia Viễn - Ninh Bình	
26	CNTT26	Tổng Thị Hạnh	20/07/1991	Việt Yên - Bắc Giang	
27	CNTT27	Nguyễn Thị Hiền	04/11/1997	Lục Ngạn - Bắc Giang	
28	CNTT28	Thân Văn Hiền	15/10/1976	Yên Thế - Bắc Giang	
29	CNTT29	Nguyễn Thị Hoài	01/09/2002	Việt Yên - Bắc Giang	
30	CNTT30	Nguyễn Thị Hoan	03/07/1982	Việt Yên - Bắc Giang	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 30./.



DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 24/11/2018

PHÒNG THI: TH02

Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng máy tính 02, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **06h30'**

Phần thi Thực hành: Phòng máy tính 02, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **7h45'**

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
1	CNTT31	Thân Văn	Hoàn	22/01/2001	Việt Yên - Bắc Giang	
2	CNTT32	Nguyễn Văn	Hoàng	24/10/1996	Yên Thủy - Hòa Bình	
3	CNTT33	Mai Thị	Hồng	20/06/1998	Nga Sơn - Thanh Hóa	
4	CNTT34	Mai Thị	Huệ	20/06/1998	Nga Sơn - Thanh Hóa	
5	CNTT35	Vũ Phi	Hùng	13/08/1998	Lập Thạch - Vĩnh Phúc	
6	CNTT36	Nguyễn Xuân	Huy	11/07/1996	Việt Yên - Bắc Giang	
7	CNTT37	Vũ Quang	Huy	24/10/1998	Phú Xuyên - Hà Nội	
8	CNTT38	Nguyễn Văn	Huyền	17/05/2001	Việt Yên - Bắc Giang	
9	CNTT39	Nguyễn Thị	Huyền	17/03/1997	Tân Yên - Bắc Giang	
10	CNTT40	Ngọc Thị	Hương	17/02/1998	Sơn Động - Bắc Giang	
11	CNTT41	Mã Huy	Khanh	20/07/1998	Chi Lăng - Lạng Sơn	
12	CNTT42	Nguyễn Duy	Khương	26/10/1993	Yên Dũng - Bắc Giang	
13	CNTT43	Giáp Danh	Lam	01/03/1998	Tân Yên - Bắc Giang	
14	CNTT44	Nguyễn Thị	Lan	11/02/1997	Hiệp Hòa - Bắc Giang	
15	CNTT45	Quách Thị	Lan	06/08/1996	Kim Bôi - Hòa Bình	
16	CNTT46	Đào Văn	Linh	19/04/1998	Tiên Du - Bắc Ninh	
17	CNTT47	Thân Thị Ngọc	Linh	27/02/2002	Việt Yên - Bắc Giang	
18	CNTT48	Trần Tú	Linh	06/04/1998	TP.Bắc Giang - Bắc Giang	
19	CNTT49	Dương Thị Thanh	Mai	20/07/1984	Yên Thế - Bắc Giang	
20	CNTT50	Lê Thế	Mạnh	23/03/1996	TP.Móng Cái - Quảng Ninh	
21	CNTT51	Ngô Văn	Mạnh	25/11/2001	Việt Yên - Bắc Giang	
22	CNTT52	Thân Văn	Nam	08/10/2001	Việt Yên - Bắc Giang	
23	CNTT53	Vũ Kim	Ngân	23/03/1998	Yên Thủy - Hòa Bình	
24	CNTT54	Trần Văn	Nghiêm	07/03/1981	Lạng Giang - Bắc Giang	
25	CNTT55	Ngô Bảo	Ngọc	22/09/1998	Sông Mã - Sơn La	
26	CNTT56	Trịnh Bá	Ngọc	28/01/1998	Yên Dũng - Bắc Ninh	
27	CNTT57	Nguyễn Văn	Nhương	18/05/1998	Hưng Hà - Thái Bình	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 27/.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
NÔNG - LÂM
BẮC GIANG
ThS. Đỗ Thị Huyền

DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 24/11/2018

PHÒNG THI: TH03

Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng máy tính 01, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **09h30'**

Phần thi Thực hành: Phòng máy tính 01, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **10h45'**

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
1	CNTT58	Hà Nam	Ninh	19/11/1998	Lũng Cao - Bá Thước - Thanh Hóa	
2	CNTT59	Nguyễn Công	Phong	25/01/1997	Song Vân - Tân Yên - Bắc Giang	
3	CNTT60	Nguyễn Hữu	Phong	01/11/2002	Việt Yên - Bắc Giang	
4	CNTT61	Nguyễn Trọng	Phú	05/05/1998	Hương Lâm - Hiệp Hòa - Bắc Giang	
5	CNTT62	Nguyễn Thế	Phúc	22/10/1973	Hồ - Thuận Thành - Bắc Ninh	
6	CNTT63	Nguyễn Thu	Phương	06/10/1998	Song Mai - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	
7	CNTT64	Đào Thị	Phượng	02/01/1979	Đáp Cầu - TP.Bắc Ninh - Bắc Ninh	
8	CNTT65	Nguyễn Thành	Quang	02/11/1984	Chu Điện - Lạng Giang - Bắc Giang	
9	CNTT66	Thân Quang	Quốc	28/06/2002	Việt Yên - Bắc Giang	
10	CNTT67	Thân Thị	Quyên	01/11/2001	Việt Yên - Bắc Giang	
11	CNTT68	Đỗ Văn	Quyên	26/06/2001	Việt Yên - Bắc Giang	
12	CNTT69	Nguyễn Thị	Quỳnh	18/08/1997	Ngọc Vân - Tân Yên - Bắc Giang	
13	CNTT70	Vũ Thị	Sen	12/12/2002	Việt Yên - Bắc Giang	
14	CNTT71	Thân Công	Sơn	23/04/2002	Việt Yên - Bắc Giang	
15	CNTT72	Trần Văn	Sơn	22/05/2001	Việt Yên - Bắc Giang	
16	CNTT73	Lê Thị	Tân	30/10/1986	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	
17	CNTT74	Trịnh Duy	Tân	08/10/2002	Tân Yên - Bắc Giang	
18	CNTT75	La Văn	Thạch	14/03/1998	Yên Định - Sơn Động - Bắc Giang	
19	CNTT76	Nguyễn Ngọc	Thạch	04/09/2001	Việt Yên - Bắc Giang	
20	CNTT77	Chu Bá	Thành	22/12/1981	Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang	
21	CNTT78	Vũ Trung	Thành	03/10/1998	Hùng Thắng - Bình Giang - Hải Dương	
22	CNTT79	Đỗ Phương	Thảo	22/01/1996	Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang	
23	CNTT80	Nguyễn Bình	Thảo	24/10/1998	Minh Đạo - Tiên Du - Bắc Ninh	
24	CNTT81	Nguyễn Thị	Thảo	20/06/2001	KRông Pắc - Đắc Lắc	
25	CNTT82	Nguyễn Đức	Thắng	10/11/2002	Việt Yên - Bắc Giang	
26	CNTT83	Vũ Mạnh	Thắng	21/02/1996	Neo - Yên Dũng - Bắc Giang	
27	CNTT84	Đào Quốc	Thân	29/09/1992	Yên Phong - Yên Mô - Ninh Bình	
28	CNTT85	Chu Văn	Thế	20/06/1998	Hải Yến - Cao Lộc - Lạng Sơn	
29	CNTT86	Đỗ Ngọc	Thiện	17/09/2001	Việt Yên - Bắc Giang	
30	CNTT87	Lê Văn	Thiệp	14/08/1980	Việt Yên - Bắc Giang	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 30./.



DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 24/11/2018

PHÒNG THI: TH04

Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng máy tính 02, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **09h30'**

Phần thi Thực hành: Phòng máy tính 02, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **10h45'**

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
1	CNTT88	Ngô Tiến Thịnh	02/07/1998	Tân Sơn - Lục Nam - Bắc Giang	
2	CNTT89	Giáp Thị Lệ Thoa	09/04/1998	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	
3	CNTT90	Nguyễn Trung Thông	20/05/1978	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
4	CNTT91	Giáp Thị Thuận	11/02/1983	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	
5	CNTT92	Nguyễn Thị Thủy	28/10/1997	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
6	CNTT93	Nguyễn Văn Thủy	26/05/1998	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	
7	CNTT94	Lê Văn Thụy	20/09/1997	Hợp Đức - Tân Yên - Bắc Giang	
8	CNTT95	Ngô Văn Thử	19/10/1998	Tri Trung - Phú Xuyên - Hà Nội	
9	CNTT96	Nguyễn Văn Thúc	13/03/1995	Mỹ Hà - Lạng Giang - Bắc Giang	
10	CNTT97	Hoàng Thị Thương	13/09/1998	Biển Động - Lục Ngạn - Bắc Giang	
11	CNTT98	Hoàng Anh Tiến	20/03/1998	Liêm Cần - Thanh Liêm - Hà Nam	
12	CNTT99	Trần Quốc Toàn	28/03/1997	Hoàng Lương - Hiệp Hòa - Bắc Giang	
13	CNTT100	Nguyễn Đức Trung	30/12/1998	Việt Yên - Bắc Giang	
14	CNTT101	Thân Văn Trung	30/01/2001	Việt Yên - Bắc Giang	
15	CNTT102	Lê Xuân Trường	26/09/1998	Song Mai - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	
16	CNTT103	Nguyễn Văn Trường	08/11/2001	Việt Yên - Bắc Giang	
17	CNTT104	Thân Văn Trường	16/09/2001	Việt Yên - Bắc Giang	
18	CNTT105	Trần Xuân Trường	30/04/1970	Đèo Gia - Lục Ngạn - Bắc Giang	
19	CNTT106	Nguyễn Văn Tuấn	20/09/1988	Nénh - Việt Yên - Bắc Giang	
20	CNTT107	Thân Trọng Tuấn	16/10/2001	Việt Yên - Bắc Giang	
21	CNTT108	Vũ Ngọc Viên	14/12/1998	Việt Lập - Tân Yên - Bắc Giang	
22	CNTT109	Dương Trọng Vinh	12/09/2000	Việt Yên - Bắc Giang	
23	CNTT110	Dương Tuấn Vũ	31/08/2001	Yên Dũng - Bắc Giang	
24	CNTT111	Lê Thị Hồng Xuân	31/01/1996	Lạc Vệ - Tiên Du - Bắc Ninh	
25	CNTT112	Nguyễn Thị Yên	07/12/1996	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
26	CNTT113	Trịnh Hải Yên	29/03/1997	Vân Hà - Việt Yên - Bắc Giang	
27	CNTT114	Vi Thị Yên	19/12/1998	An Châu - Sơn Động - Bắc Giang	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 27./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

ThS. Đỗ Thị Huyền